

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 01

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100001	Lê Văn An	19/08/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
2	100002	Ngô Hoài An	29/10/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
3	100003	Nguyễn Hoài An	03/01/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
4	100004	Nguyễn Thanh An	07/08/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
5	100005	Phan Đoàn An	13/03/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
6	100006	Phan Tất Hải An	22/10/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
7	100007	Thái Trần Mỹ An	14/03/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
8	100008	Võ Hoàng An	17/07/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
9	100009	La Nguyễn Quỳnh Anh	19/04/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
10	100010	Nguyễn Nguyễn Quỳnh Anh	12/03/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
11	100011	Nguyễn Phương Anh	07/11/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
12	100012	Trần Đức Hoài Anh	06/05/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
13	100013	Văn Trọng Bách	13/07/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
14	100014	Lê Ngọc Bảo	11/10/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
15	100015	Nguyễn Hoàng Ngọc Băng	31/07/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
16	100016	Nguyễn Kiến Bình	25/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
17	100017	Nguyễn Lê Thanh Bình	23/09/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
18	100018	Từ Thanh Bình	01/11/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
19	100019	Cao Nguyễn Bảo Châu	27/10/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
20	100020	Hồ Hồng Châu	25/01/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
21	100021	Lê Hoàng Minh Châu	02/08/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
22	100022	Nguyễn Ngọc Minh Châu	29/01/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
23	100023	Trần Đoàn Bảo Châu	13/09/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
24	100024	Hà Quế Chi	07/11/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X

25	100025	Trần Khánh Chi	10/01/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
26	100026	Nguyễn Xuân Cường	28/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
27	100027	Nguyễn Quốc Cường	11/11/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
28	100028	Nguyễn Lương Thành Danh	08/08/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
29	100029	Ngô Lê Ngọc Diệp	03/02/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
30	100030	Nguyễn Ngọc Diệp	23/01/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
31	100031	Nguyễn Thị Minh Dung	15/05/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
32	100032	Trần Nguyễn Mỹ Dung	09/02/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
33	100033	Nguyễn Tiên Dũng	21/04/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
<b>Số lượng</b>					<b>31</b>	<b>33</b>	<b>28</b>	<b>31</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>23</b>	<b>12</b>	<b>14</b>

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 02

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100034	Nguyễn Vũ Văn Dũng	25/07/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
2	100035	Lê Nhật Duy	15/11/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
3	100036	Nguyễn Bảo Duy	09/07/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
4	100037	Đỗ Lê Mỹ Duyên	09/10/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
5	100038	Phan Nguyễn Hồng Duyên	13/05/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
6	100039	Lê Xuân Dương	30/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
7	100040	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	24/01/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
8	100041	Nguyễn Phương Thùy Dương	10/08/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
9	100042	Trần Thùy Dương	31/08/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
10	100043	Nguyễn Minh Đan	25/07/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
11	100044	Cao Thành Đạt	27/09/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
12	100045	Thái Tiến Đạt	12/11/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
13	100046	Trần Tấn Đạt	19/01/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
14	100047	Võ Tiến Đạt	21/09/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
15	100048	Huỳnh Nhật Đức	15/06/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
16	100049	Võ Ngọc Đức	30/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
17	100050	Đào Tương Giang	03/08/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
18	100051	Nguyễn Diệp Hoàng Giang	04/09/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
19	100052	Nguyễn Lý Cẩm Giang	18/12/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
20	100053	Phạm Nguyên Giáp	12/03/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100054	Đỗ Trần Bắc Hà	12/08/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
22	100055	Hồ Phạm Khánh Hà	16/10/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
23	100056	Nguyễn Thanh Hà	29/03/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
24	100057	Trần Ngọc Khánh Hà	16/03/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	

25	100058	Trần Nhật Hà	25/10/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
26	100059	Cao Tuấn Hải	01/09/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
27	100060	Vũ Phan Hải	10/10/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
28	100061	Trần Minh Hạnh	18/07/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
29	100062	Võ Thế Hào	10/03/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
30	100063	Nguyễn Minh Hằng	13/10/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
31	100064	Trang Minh Hằng	04/03/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
32	100065	Cao Trương Ngọc Hân	04/12/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
33	100066	Hoàng Ngọc Gia Hân	22/12/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
<b>Số lượng</b>					<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>16</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>16</b>	<b>10</b>

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 03

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100067	Lâm Bảo Hân	26/03/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
2	100068	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	25/12/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
3	100069	Nguyễn Ngọc Gia Hân	02/10/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
4	100070	Nguyễn Trần Hoàng Hân	08/05/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
5	100071	Phan Nguyễn Gia Hân	19/05/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
6	100072	Trần Ngọc Hân	03/02/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
7	100073	Trình Ngọc Gia Hân	30/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
8	100074	Nguyễn Khánh Hiền	17/04/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
9	100075	Đỗ Nguyễn Hoàng Hiếu	04/11/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
10	100076	Lê Huỳnh Nhật Hiếu	11/07/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
11	100077	Đình Kiều Mai Hoa	26/06/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
12	100078	Bùi Chí Hoàng	04/04/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
13	100079	Lê Công Tuấn Hoàng	29/10/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
14	100080	Phạm Thiện Hoàng	22/06/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
15	100081	Văn Thanh Hoàng	06/09/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
16	100082	Võ Khắc Hoàng	19/09/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
17	100083	Võ Phong Hoàng	07/02/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
18	100084	Nguyễn Thanh Hùng	19/12/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
19	100085	Bùi Quang Huy	06/07/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
20	100086	Dương Trần Quốc Huy	13/05/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
21	100087	Hà Minh Huy	11/01/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
22	100088	Huỳnh Gia Huy	15/01/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
23	100089	Nguyễn Hoàng Quang Huy	31/10/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
24	100090	Võ Minh Huy	09/07/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	

25	100091	Võ Nam Quốc Huy	16/07/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
26	100092	Huỳnh Nguyên Hưng	13/02/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
27	100093	Nguyễn Phạm Việt Hưng	05/12/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
28	100094	Trần Nguyễn Quốc Hưng	07/05/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
29	100095	Mai Đoàn Quỳnh Hương	10/01/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
30	100096	Phan Quỳnh Hương	24/01/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
31	100097	Mai Hữu Kha	10/01/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
32	100098	Nguyễn Trần Minh Kha	05/02/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
33	100099	Tạ Nguyên Kha	02/02/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
<b>Số lượng</b>					<b>32</b>	<b>32</b>	<b>29</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>25</b>	<b>10</b>	<b>18</b>

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 04

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100100	Nguyễn Quang Khải	31/01/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
2	100101	Nguyễn Trọng Khải	10/10/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
3	100102	Đặng Thái Khang	05/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
4	100103	Lê Vinh Khang	26/04/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
5	100104	Ngô Minh Khang	08/01/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
6	100105	Nguyễn An Khang	19/10/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
7	100106	Nguyễn Minh Khang	24/06/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
8	100107	Nguyễn Nguyên Khang	21/01/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
9	100108	Nguyễn Phạm Vĩnh Khang	27/07/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
10	100109	Phạm Tấn Khang	22/03/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
11	100110	Phan Bảo Khang	22/03/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
12	100111	Võ Minh Khang	04/12/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
13	100112	Võ Thượng Khang	20/08/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
14	100113	Võ Thụy Khanh	16/09/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
15	100114	Nguyễn Mai Bảo Khánh	01/06/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
16	100115	Phạm Nguyễn Ngân Khánh	12/11/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
17	100116	Lương Thiện Khiêm	29/04/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
18	100117	Bùi Phan Anh Khoa	04/03/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
19	100118	Lương Quang Khoa	24/11/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
20	100119	Nguyễn Anh Khoa	10/05/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
21	100120	Nguyễn Thanh Khoa	02/12/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
22	100121	Trần Đăng Khoa	10/07/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
23	100122	Đinh Nguyễn An Khôi	29/04/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
24	100123	Trần Trung Kiên	03/01/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X

25	100124	Lưu Gia Kiệt	04/10/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
26	100125	Mai Xuân Thái Anh Kiệt	16/01/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
27	100126	Trần Tuấn Kiệt	20/11/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
28	100127	Đoàn Phạm Hoàng Lam	26/04/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
29	100128	Đỗ Hoàng Lâm	05/10/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
30	100129	Nguyễn Bảo Lâm	17/06/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
31	100130	Nguyễn Mai Thùy Lâm	05/01/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
32	100131	Phạm Hoàng Lâm	20/11/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
33	100132	Võ Thanh Lâm	13/08/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
<b>Số lượng</b>					<b>32</b>	<b>29</b>	<b>30</b>	<b>29</b>	<b>21</b>	<b>16</b>	<b>29</b>	<b>9</b>	<b>17</b>

*Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026*

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**



25	100157	Nguyễn Quang Minh	15/01/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
26	100158	Phan Quang Minh	04/11/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
27	100159	Phạm Trà My	27/01/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
28	100160	Võ Ngọc Ái My	23/03/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
29	100161	Huỳnh Nguyễn Nhật Nam	31/01/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
30	100162	Lê Bảo Nam	24/05/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
31	100163	Nguyễn Nhật Nam	28/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
32	100164	Phạm Hoài Nam	15/08/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
33	100165	Trương Thị Hồng Nga	04/11/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
<b>Số lượng</b>					<b>29</b>	<b>32</b>	<b>27</b>	<b>28</b>	<b>21</b>	<b>17</b>	<b>28</b>	<b>10</b>	<b>16</b>

*Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026*

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 06

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100166	Dương Đỗ Kim Ngân	03/06/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
2	100167	Dương Khánh Ngân	09/02/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
3	100168	Hồ Phạm Thy Ngân	16/10/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
4	100169	Nguyễn Hoàng Khánh Ngân	18/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
5	100170	Nguyễn Hoàng Thanh Ngân	09/08/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
6	100171	Nguyễn Khánh Ngân	17/06/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
7	100172	Nguyễn Thảo Ngân	09/03/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
8	100173	Trần Khánh Ngân	25/04/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
9	100174	Trần Phương Khánh Ngân	16/12/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
10	100175	Trần Thúy Ngân	18/04/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
11	100176	Trương Nguyễn Hoài Ngân	15/01/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
12	100177	Võ Thanh Ngân	19/06/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
13	100178	Vũ Nguyễn Thanh Ngân	23/03/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
14	100179	Đỗ Trần Bảo Nghi	12/12/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
15	100180	Hứa Đông Nghi	04/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
16	100181	Lý Viễn Gia Nghi	08/01/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
17	100182	Huỳnh Gia Nghĩa	12/05/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
18	100183	Phạm Bùi Công Nghĩa	30/04/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
19	100184	Đinh Trần Bảo Ngọc	22/06/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
20	100185	Hồ Minh Ngọc	25/11/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100186	Nguyễn Đỗ Minh Ngọc	30/10/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
22	100187	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	16/01/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
23	100188	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	23/06/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
24	100189	Phạm Trần Bảo Ngọc	06/05/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	

25	100190	Phan Khánh Ngọc	05/09/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
26	100191	Trần Đoàn Bảo Ngọc	13/09/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
27	100192	Trần Khánh Ngọc	25/04/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
28	100193	Lê Phước Nguyên	21/07/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
29	100194	Ngô Phương Thảo Nguyên	28/12/2009	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
30	100195	Nguyễn Quốc Nguyên	30/08/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
31	100196	Phan Minh Nguyên	13/09/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
32	100197	Phan Vũ Hạnh Nguyên	06/11/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
33	100198	Võ Hạnh Nguyên	18/03/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
<b>Số lượng</b>					<b>30</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	<b>30</b>	<b>14</b>	<b>18</b>	<b>24</b>	<b>13</b>	<b>15</b>

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 07

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100199	Nguyễn Ngọc Nhân	20/01/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
2	100200	Hồ Minh Nhật	08/01/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
3	100201	Nguyễn Minh Nhật	19/07/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
4	100202	Phạm Quang Nhật	19/01/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
5	100203	Trần Gia Nhật	22/02/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
6	100204	Lê Đào Khánh Nhi	30/01/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
7	100205	Lê Thảo Nhi	01/09/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
8	100206	Tạ Ngọc Nhi	19/10/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
9	100207	Võ Ngọc Đông Nhi	17/04/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
10	100208	Nguyễn Nữ An Nhiên	21/02/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
11	100209	Nguyễn Kiều Như	08/02/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
12	100210	Phan Trương Ta Ny	25/04/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
13	100211	Lữ Thị Phương Oanh	22/02/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
14	100212	Nguyễn Lê Minh Phát	20/01/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
15	100213	Nguyễn Tấn Phát	04/02/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
16	100214	Vương Huỳnh Thế Phong	12/09/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
17	100215	Trần Minh Phú	07/06/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
18	100216	Hoàng Thiên Phúc	09/05/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
19	100217	Huỳnh Minh Phước	04/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
20	100218	Lê Hồng Thiên Phước	22/01/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100219	Nguyễn Hữu Phước	02/07/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
22	100220	Nguyễn Tấn Phước	18/03/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
23	100221	Huỳnh Nhã Phương	16/04/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
24	100222	Lê Minh Phương	20/06/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	

25	100223	Phan Nguyễn Hoài Phương	04/03/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
26	100224	Thái Minh Quang	10/05/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
27	100225	Đặng Nguyễn Trường Quân	23/01/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
28	100226	Nguyễn Hữu Minh Quân	02/03/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
29	100227	Phạm Đặng Anh Quân	17/12/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
30	100228	Hoàng Anh Quốc	17/09/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
31	100229	Nguyễn Phú Quốc	16/08/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
32	100230	Văn Thục Quyên	07/05/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
33	100231	Nguyễn Phạm Phương Quỳnh	01/06/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
<b>Số lượng</b>					<b>28</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>28</b>	<b>16</b>	<b>20</b>	<b>23</b>	<b>15</b>	<b>13</b>

*Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026*

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 08

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100232	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	08/03/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
2	100233	Võ Ngọc Khánh Quỳnh	16/03/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
3	100234	Võ Phan Như Quỳnh	03/04/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
4	100235	Lương Trung Sơn	21/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
5	100236	Nguyễn Trần Lê Tâm	02/02/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
6	100237	Trần Đình Thanh	24/01/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
7	100238	Võ Ngọc Đan Thanh	09/08/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
8	100239	Võ Phương Thanh	11/01/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
9	100240	Lương Khánh Thành	21/12/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
10	100241	Lê Nguyễn Thanh Thảo	18/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
11	100242	Trần Lê Nguyên Thảo	29/11/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
12	100243	Trần Lê Nguyên Thảo	14/07/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
13	100244	Nguyễn Thị Hồng Thắm	25/08/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
14	100245	Nguyễn Việt Thắng	18/05/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
15	100246	Bùi Phú Thiên	04/06/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
16	100247	Phạm Hữu Phước Thiện	04/11/2010	10 TIN	X	X	X	X	X		X		X
17	100248	Nguyễn Quốc Thịnh	05/01/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
18	100249	Lê Thị Thanh Thùy	24/01/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
19	100250	Phùng Vũ Thanh Thủy	20/12/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
20	100251	Lê Bảo Thư	12/11/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
21	100252	Nguyễn Đỗ Anh Thư	29/05/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
22	100253	Nguyễn Vũ Anh Thư	05/03/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
23	100254	Phùng Nguyễn Phương Thư	04/10/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
24	100255	Nguyễn Trần Khánh Thy	25/11/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	

25	100256	Nguyễn Phước Nhã Tiên	27/03/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
26	100257	Trần Bảo Tiên	18/07/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
27	100258	Nguyễn Minh Tiến	17/09/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
28	100259	Phạm Đỗ Việt Tiến	17/04/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
29	100260	Thới Quang Tiến	01/01/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
30	100261	Lý Vĩnh Tín	03/06/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
31	100262	Lê Nguyễn Khánh Toàn	21/03/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
32	100263	Trần Trọng Toàn	01/04/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
33	100264	Trương Đức Toàn	11/08/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
<b>Số lượng</b>					<b>29</b>	<b>29</b>	<b>29</b>	<b>29</b>	<b>16</b>	<b>21</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>12</b>

*Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026*

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN  
KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

Khóa ngày: 09/03/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 09

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT & PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100265	Dương Thùy Trang	12/07/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
2	100266	Trần Huyền Trang	14/12/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
3	100267	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	16/08/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
4	100268	Hồ Bảo Trân	15/03/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
5	100269	Hồ Bảo Trân	06/07/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
6	100270	Nguyễn Đặng Bảo Trân	05/12/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
7	100271	Nguyễn Đình Khả Trân	27/04/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
8	100272	Lưu Hoàng Trí	03/12/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
9	100273	Nguyễn Ngọc Bảo Trọng	22/09/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
10	100274	Trần Đức Trọng	16/07/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
11	100275	Nguyễn Lâm Trường	19/02/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
12	100276	Phạm Gia Tuân	16/01/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
13	100277	Hoàng Lan Tuệ	20/07/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
14	100278	Trần Đức Tùng	15/08/2010	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
15	100279	Trần Kim Tuyền	17/03/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
16	100280	Phan Gia Cát Tường	28/04/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
17	100281	Phạm Thục Uyên	17/06/2010	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
18	100282	Văn Hải Uyên	14/11/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
19	100283	Nguyễn Thị Thanh Vân	09/04/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	
20	100284	Trần Mi Vân	14/04/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
21	100285	Trần Quốc Vinh	06/08/2010	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
22	100286	Đặng Hoàng Khánh Vy	16/05/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
23	100287	Nguyễn Hoàng Phương Vy	09/11/2010	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
24	100288	Nguyễn Tường Vy	06/01/2010	10 ANH 2	X	X	X	X		X		X	

25	100289	Bùi Nguyễn Như Ý	25/03/2010	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
26	100290	Lâm Thái Thanh Ý	17/11/2010	10 ANH 1	X	X	X	X		X		X	
27	100291	Nguyễn Hải Yên	14/09/2010	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
28	100292	Nguyễn Hồng Yên	19/10/2010	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
<b>Số lượng</b>					<b>25</b>	<b>25</b>	<b>26</b>	<b>25</b>	<b>12</b>	<b>19</b>	<b>22</b>	<b>12</b>	<b>9</b>

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 2026

**KT.HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Hà**